*Ngày soạn:……………..*

*Ngày dạy:………………*

**BÀI 5. THƠ VĂN NGUYỄN TRÃI**

**ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ**

*(Bình Ngô đại cáo)*

*Tiết:……*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản Đại cáo bình Ngô.

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ.

**2. Năng lực**

***- Năng lực chung:*** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***- Năng lực chuyên biệt:***

+ Năng lực thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Năng lực đọc – hiểu tác phẩm chính luận viết bằng thể văn biền ngẫu - đặc trưng thể cáo.

+ Năng lực viết, tạo lập văn bản.

***3. Phẩm chất***

- Đề cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào về văn hoá và lịch sử dân tộc, về người Anh hùng dân tộc – Danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Chuẩn bị của giáo viên:***

- Giáo án

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

***2. Chuẩn bị của học sinh:*** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Kiến thức đời sống, xã hội

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV: tổ chức trò chơi “MẢNH GHÉP BÍ MẬT”

***Câu hỏi 1:*** ***Tác giả Nguyễn Trãi lấy tên hiệu là:***

- Ức Trai

***Câu hỏi 2: Năm sinh, năm mất của Nguyễn Trãi?***

- 1380 - 1442

***Câu hỏi 3: Vị Vua nào xuống chiếu ân xá cho Nguyễn Trãi?***

- Lê Thánh Tông

***Câu hỏi 4: Năm bao nhiêu Nguyễn Trãi được tổ chức UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới?***

- Năm 1980

***Câu hỏi 5: Nguyễn Trãi cáo quan về ẩn ở đâu?***

- Côn Sơn

***Câu hỏi 6: Nguyễn Trãi thừa lệnh vị vua nào viết “Bình ngô đại cáo”?***

- Lê Lợi

- HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài mới:

Trong lịch sử VHVN, ba áng thơ văn kiệt xuất được coi là các bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc là: Nam quốc sơn hà (Lí Thường Kiệt), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi) và Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh). Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc ta.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập, các câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi:  *+ Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu những hiểu biết của mình về thể loại nghị luận xã hội trung đại:*  *+* Nghị luận xã hội trung đại thường được viết bằng các thể văn nào?  *+ Em hiểu gì về nhan đề tác phẩm? Tại sao gọi là “đại cáo”? Giặc Ngô là giặc nào? Vì sao tác giả lại gọi chúng như vậy?*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Nghị luận xã hội trung đại**  - Nghị luận xã hội trung đại thường được viết bằng các thể văn như: chiếu, hịch, cáo, thư,... phản ánh những vấn đề chính trị, xã hội và có giá trị nghệ thuật cao. Chiếu, cáo thường để ban bố trước dân chúng về những công việc và sự kiện có tính chất quốc gia; thư dùng để trao đổi, thuyết phục người khác trong công việc. Các bài nghị luận xã hội trung đại có một số đặc điểm nổi bật sau đây:  - Là thể văn tổng hợp *“văn, sử, triết bất phân”,* có sự kết hợp hài hoà giữa lí lẽ và cảm xúc, giữa tư tưởng và tình cảm của người viết; do vậy, văn bản vừa có tính thuyết phục của lí lẽ, vừa giàu màu sắc biểu cảm nghệ thuật. Nghị luận trung đại thường được viết bằng văn “biền ngẫu”, từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng.  - Trong nhiều bài nghị luận xã hội trung đại, vai trò của người viết rất đặc biệt, tác giả thường là các bậc vua, chúa, thủ lĩnh hoặc được vua, chúa, thủ lĩnh uỷ nhiệm soạn thảo các văn bản. Như việc Nguyễn Trãi thừa lệnh và nhân danh Lê Lợi viết thư từ răn bảo các tướng sĩ của ta và thuyết phục tướng giặc nhà Minh, được tập hợp trong sách Quân trung từ mệnh tập (Tập văn từ lệnh trong quân). Nguyễn Trãi cũng được Lê Lợi giao viết Bình Ngô đại cáo (Đại cáo bình Ngô) với danh nghĩa nhà vua để bố cáo thiên hạ về đại thắng của dân tộc… Các tác giả được uỷ thác thường là những nhà văn hoá lỗi lạc hoặc có địa vị, uy tín cao trong triều đình và xã hội. Văn bản nghị luận do họ soạn thảo không chỉ thể hiện tư tưởng, tình cảm của các bậc vua, chúa, thủ lĩnh, đại diện cho tư tưởng thời đại, ý chí, khát vọng của cả quốc gia, dân tộc, mà còn chứa đựng trí tuệ, tình cảm và tài năng văn chương của mỗi người  **2. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Cuối tháng 12 năm Đinh Mùi 1427, sau khi chiến tranh kết thúc, Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi viết Đại cáo, trịnh trọng tuyên bố trước toàn dân: cuộc kháng chiến của nhân dân Đại Việt chống quân Minh xâm lược đã toàn thắng, khẳng định chủ quyền độc lập.  ***3. Ý nghĩa nhan đề***  - Giải nghĩa:  + Đại cáo: bài cáo lớn  → Dung lượng lớn  → Tính chất trọng đại  + Bình: dẹp yên, bình định, ổn định  + Ngô: giặc Minh  => Nghĩa của nhan đề: Bài cáo lớn ban bố về việc dẹp yên giặc Ngô.  ***4. Tóm tắt:***  - 4 phần:  + Phần 1: Nêu tư tưởng nhân nghĩa, khẳng định độc lập và những bằng chứng làm sáng tỏ điều đó.  + Phần 2: Vạch rõ tội ác của kẻ thù.  + Phần 3: Kể lại quá trình chinh phạt gian khổ và tất thắng của cuộc khởi nghĩa.  + Phần 4: Tuyên bố chiến thắng, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa.  => Các phần trong tác phẩm này có mối liên hệ chặt chẽ, logic. Bài Đại cáo viết về vấn đề vạch tội ác của kẻ thù xâm lược, ca ngợi thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản**

**a) Mục đích:** HS nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài cáo.

**b) Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung phần I qua các nhiệm vụ sau:   |  |  | | --- | --- | | **Nhóm 1** | Tại sao nói Nguyễn Trãi đã chắt lọc và phát huy tư tưởng “nhân nghĩa” của đạo Nho? | | **Nhóm 2** | - Chân lí thực tiễn về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt được biểu hiện qua các mặt nào? Nhận xét về giọng điệu của đoạn 1? | | **Nhóm 3** | - Tác giả Nguyễn Trãi đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong đoạn *“Vậy nên: …Chứng cớ còn ghi?* Nêu tác dụng? | | **Nhóm 4** | Tại sao nói ý thức độc lập dân tộc của *Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi phát triển **toàn diện** và **sâu sắc** hơn Nam quốc sơn hà – Lí Thường Kiệt? |   **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - 1 HS đại diện trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nguyễn Trãi đã tố cáo những tội ác nào của giặc Minh? Tác giả đứng trên lập trường nào?  - Hình ảnh nhân dân Đại Việt dưới ách thống trị của giặc Minh được hình tượng hóa bằng hình ảnh nào?  - Những tên giặc Minh tàn bạo được hình tượng hóa bằng hình ảnh nào?  - Nghệ thuật viết cáo trạng của tác giả?  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thứuc qua các câu hỏi vấn đáp:  - Hình tượng Lê Lợi được khắc họa ntn (tìm các chi tiết)? So sánh với hình tượng Trần Quốc Tuấn trong Hịch tướng sĩ?  - Qua những lời bộc bạch của Lê Lợi, em thấy những ngày đầu nghĩa quân Lam Sơn gặp phải những khó khăn gì?  - Nhưng sức mạnh nào đã giúp quân ta chiến thắng?  - Câu hỏi nâng cao: Từ sớm, Nguyễn Trãi đã đánh giá đúng được nguyên nhân quan trọng nào làm nên thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?  - Khí thế và những chiến thắng của quân ta được miêu tả ntn?  - Đối lập với khí thế “chẻ tre” hào hùng, sức mạnh vô địch của quân ta, hình ảnh kẻ thù thất bại thê thảm, nhục nhã ntn?  - Phân tích tính chất hùng tráng của đoạn văn được gợi lên từ ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu câu văn?  - Chủ trương hòa bình, nhân đạo của Lê Lợi- Nguyễn Trãi được thể hiện ntn ở phần 3 này?  - Hành động đó làm sáng tỏ tư tưởng cốt lõi nào đã nêu ở đầu bài cáo?  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giọng văn ở đoạn này có gì khác với những đoạn trên? Vì sao?  - Bài học lịch sử mà Nguyễn Trãi nêu ra qua lời tuyên bố độc lập? ý nghĩa của bài học lịch sử đó đối với chúng ta ngày nay như thế nào?  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **II. ĐỘC – HIỂU VĂN BẢN**  **1. Nêu cao luận đề chính nghĩa**  **a. Tư tưởng nhân nghĩa:**  - Theo quan niệm của đạo Nho: nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí.  - Nguyễn Trãi:  + Chắt lọc lấy hạt nhân cơ bản của tư tưởng nhân nghĩa: nhân nghĩa chủ yếu để yên dân.  + Đem đến nội dung mới: nhân nghĩa là yên dân trừ bạo.  + Đó là cơ sở để bóc trần luận điệu xảo trá của giặc Minh (phù Trần diệt Hồ giúp Đại Việt).  => Khẳng định lập trường chính nghĩa của ta và tính chất phi nghĩa của kẻ thù xâm lược.  **b. Khẳng định sự độc lập của dân tộc**  - Cương vực lãnh thổ: nước Đại Việt ta - núi sông bờ cõi đã chia.  - Nền văn hiến: vốn xưng nền văn hiến đã lâu.  - Phong tục: phong tục Bắc Nam cũng khác  - Lịch sử riêng, chế độ riêng: Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập/ Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.  - Hào kiệt: đời nào cũng có  - Các từ ngữ: “từ trước”, “đã lâu”, “vốn xưng”, “đã chia”, “cũng khác” cho thấy sự tồn tại hiển nhiên, vốn có, lâu đời của một nước Đại Việt độc lập, có chủ quyền và văn hiến.  - Giọng điệu: trang trọng, hào hùng mang tính chất của một lời tuyên ngôn.  ***c. Lời răn đe quân xâm lược***  - Sử dụng phép liệt kê, dẫn ra những kết cục của kẻ chống lại chân lí: *thất bại, tiêu vong, bắt sống, giết tươi.*  *=> Lời* ***cảnh cáo****,* ***răn đe*** *đanh thép những kẻ bất nhân bất nghĩa dám xâm phạm lãnh thổ, chủ quyền dân tộc ta* ***đều phải trá giá đắt****, đồng thời cũng* ***thể hiện niềm tự hào*** *bởi những chiến công của nhân dân Đại Việt.*  ***\* So sánh với Nam quốc sơn hà*** (Lí Thường Kiệt): ý thức độc lập dân tộc của ***Đại cáo bình Ngô*** phát triển toàn diện và sâu sắc hơn.  - Toàn diện, vì:  + Lí Thường Kiệt mới chỉ xác định dân tộc ở hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền.  + Nguyễn Trãi đã xác định dân tộc ở nhiều phương diện: lãnh thổ, nền văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử, chế độ, con người.  - Sâu sắc, vì:  + Lí Thường Kiệt căn cứ vào “thiên thư” (sách trời) - yếu tố thần linh chứ không phải thực tiễn lịch sử.  + Nguyễn Trãi đã ý thức rõ về văn hiến, truyền thống lịch sử và con người - những yếu tố thực tiễn cơ bản nhất, các hạt nhân xác định dân tộc.  ***2. Đoạn 2: Bản cáo trạng hùng hồn, đẫm máu và nước mắt***  ***a.*** ***Những âm mưu và tội ác của kẻ thù***:  - Âm mưu xâm lược quỷ quyệt của giặc Minh:  *“Vừa rồi:*  *Nhân họ Hồ chính sự phiền hà,*  *Để trong nước lòng dân oán hận.*  *Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa”.*  + Chữ “nhân”, “thừa cơ” - vạch rõ luận điệu giả nhân giả nghĩa, “mượn gió bẻ măng” của kẻ thù.  => Nguyễn Trãi đứng trên lập trường dân tộc.  - Tố cáo chủ trương, chính sách cai trị vô nhân đạo, vô cùng hà khắc của kẻ thù:  + Tàn sát người vô tội - *“Nướng dân đen... tai vạ”*.  + Bóc lột tàn tệ, dã man: *“Nặng thuế...núi”*.  + Huỷ diệt môi trường sống: *“Người bị ép...cây cỏ”*.  => Nguyễn Trãi đứng trên lập trường nhân bản.  ***b. Hình ảnh nhân dân***: tội nghiệp, đáng thương, khốn khổ, điêu linh, bị dồn đuổi đến con đường cùng. Cái chết đợi họ trên rừng, dưới biển: *“Nặng nề... canh cửi”*,...  ***c.*** ***Hình ảnh kẻ thù***: tàn bạo, vô nhân tính như những tên ác quỷ: *“Thằng há miệng... chưa chán”*.  ***d.*** ***Nghệ thuật viết cáo trạng***:  - Dùng hình tượng để diễn tả tội ác của kẻ thù:  “Nướng dân đen ...tai vạ”.  + Đối lập:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Hình ảnh người dân vô tội*** | >< | **Kẻ thù** | | (bị bóc lột, tàn sát dã man) | (tàn bạo, vô nhân tính) |   + Phóng đại:*“Độc ác thay, trúc Nam Sơn ko ghi hết tội*/ *Dơ bẩn thay, nước Đông Hải ko rửa sạch mùi”*  Trúc Nam Sơn- tội ác của kẻ thù.  Nước Đông Hải - sự nhơ bẩn của kẻ thù.  + Câu hỏi tu từ: *“Lẽ nào...chịu được?”*   * tội ác trời không dung, đất không tha của quân thù.   + Giọng điệu: uất hận trào sôi, cảm thương tha thiết, nghẹn ngào.  ***3. Đoạn 3: Quá trình chinh phạt gian khổ và tất thắng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (Bản hùng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn):***  ***a. Hình tượng người chủ tướng Lê Lợi***  - Hình tượng chủ tướng Lê Lợi- hình tượng tâm lí, được miêu tả bằng bút pháp chủ yếu: tự sự- trữ tình.  + Cách xưng hô: “ta” - khiêm nhường.  + Nguồn gốc xuất thân: chốn hoang dã nương mình  → bình thường, người anh hùng áo vải.  + Có một nội tâm vận động dữ dội (diễn tả qua hàng loạt các từ miêu tả tâm lí, sự biến động nội tâm con người: *ngẫm, căm, đau lòng nhức óc, nếm mật nằm gai, quên ăn vì giận, đắn đo, trằn trọc, mộng mị, băn khoăn, đăm đăm, cầu hiền, chăm chăm*).  → Lòng căm thù giặc sâu sắc: *“Ngẫm thù lớn... ko cùng sống”, “Quên ăn vì giận...”*  → Ý chí, hoài bão cao cả: ngày đêm vượt gian khó, cầu được nhiều người hiền giúp để hoàn thành sự nghiệp cứu nước: *“Đau lòng... đồ hồi”, “Tấm lòng cứu nước...phía tả”*.  → Hình tượng Lê Lợi và Trần Quốc Tuấn trong Hịch tướng sĩ đều có chung ý thức trách nhiệm cao với đất nước, có ý chí hoài bão cao cả và lòng căm thù giặc sâu sắc.  ***b.*** ***Những khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn qua lời bộc bạch của Lê Lợi***:  - Quân thù: đang mạnh, tàn bạo, xảo trá.  - Quân ta: lực lượng mỏng (*Khi Khôi Huyện quân không một đội*), thiếu nhân tài (*Tuấn kiệt như sao buổi sớm/ Nhân tài như lá mùa thu/ Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần/ Nơi duy ác hiếm người bàn bạc*), lương thảo khan hiếm (*Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần*).  ***c.*** ***Sức mạnh giúp ta chiến thắng***:  - Tấm lòng cứu nước.  - Ý chí khắc phục gian nan.  - Sức mạnh đoàn kết: *“tướng sĩ một lòng phụ tử”, “nhân dân bốn cõi một nhà”.*  - Sử dụng các chiến lược, chiến thuật linh hoạt: *“Thế trận xuất kì...địch nhiều”.*  - Tư tưởng chính nghĩa: *“Đem đại nghĩa...thay cường bạo”.*  → Nguyễn Trãi đề cao tính chất nhân dân, tính chất toàn dân, đặc biệt đề cao vai trò của những người dân nghèo, địa vị thấp hèn trong cuộc khởi nghĩa. Đó là tư tưởng lớn, nhân văn, tiến bộ trước ông chưa có và đến tận giữa thế kỉ XIX mới được Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục công khai ca ngợi.  ***d. Quá trình phản công và chiến thắng:***  - Khí thế của quân ta: hào hùng như sóng trào bão cuốn (*“sấm vang chớp giật”, “trúc chẻ tro bay”, “sạch ko kình ngạc”, “tan tác chim muông”, “quét sạch lá khô”, “đá núi phải mòn”, “nước sông phải cạn”*... các hình ảnh so sánh - phóng đại, tính chất hào hùng).  - Khung cảnh chiến trường: ác liệt, dữ dội khiến trời đất như đảo lộn (*“sắc phong vân phải đổi”, “ánh nhật nguyệt phải mờ”*).  - Những chiến thắng của ta: dồn dập, liên tiếp (các câu văn điệp cấu trúc, mang tính chất liệt kê: *“Ngày 18.../ Ngày 20.../ Ngày 25.../ Ngày 28...”*)  - Hình ảnh kẻ thù:  + Tham sống, sợ chết, hèn nhát, thảm hại:  *Trần Trí, Sơn Thọ- mất vía.*  *Lí An, Phương Chính- nín thở cầu thoát thân.*  *Đô đốc Thôi Tụ- lê gối dâng tờ tạ tội.*  *Thượng thư Hoàng Phúc- trói tay để tự xin hàng.*  *Quân Vân Nam – khiếp vía mà vỡ mật.*  *Quân Mộc Thạnh – xéo lên nhau chạy để thoát thân.*  *Mã Kì, Phương Chính- hồn bay phách lạc.*  *Vương Thông, Mã Anh – tim đập chân run...*  + Thất bại của kẻ thù: thê thảm nhục nhã *“trí cùng lực kiệt”, “máu chảy thành sông”, “thây chất đầy đường”, “máu chảy trôi chày”, “thây chất thành núi”,...*  + Cách gọi, cách miêu tả kẻ thù đầy khinh bỉ, mỉa mai: *thằng nhãi con Tuyên Đức; đồ nhút nhát Thạnh, Thăng; tướng giặc bị cầm tù- hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng; Mã Kì, Phương Chính...ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc; Vương Thông, Mã Anh... về đến nước mà vẫn tim đập chân run;...*  ***e. Chủ trương hòa bình, nhân đạo:***  - Tha tội chết cho quân giặc đầu hàng.  - Cấp ngựa, cấp thuyền, lương ăn cho quân bại trận  + Đức hiếu sinh, lòng nhân đạo.  + Tình yêu hòa bình.  + Sách lược để tính kế lâu dài, bền vững cho non sông.  + Tư tưởng nhân nghĩa- yên dân - trừ bạo.  ***f.*** **Tính chất hùng tráng của đoạn văn:**  - Ngôn ngữ:  + Sử dụng nhiều động từ mạnh liên kết với nhâu tạo những chuyển rung dồn đập, dữ dội: hồn bay phách lạc, tim đập chân run, trút sạch, phá toang,...  + Các tính từ chỉ mức độ cực điểm: thây chất đầy đường, máu trôi đỏ nước, đầm đìa máu đen, khiếp vía vỡ mật, sấm vang, chớp giật, trúc chẻ tro bay,...  + Khí thế chiến thắng của ta và sự thất bạo thảm hại của kẻ thù.  - Hình ảnh:  + Có tính chất phóng đại.  + Nhiều tên người, tên đất, tên chiến thắng được liệt kê liên tiếp nối nhau xuất hiện trong thế tương phản  + thế thắng đang lên của ta đối lập với sự thất bại ngày càng nhiều, càng lớn của kẻ thù.  - Nhịp điệu câu văn:  + Khi dài, khi ngắn biến hóa linh hoạt.  + Dồn dập, sảng khoái, bay bổng, hào hùng như sóng trào bão cuốn.  ***4. Đoạn 4: Tuyên bố thắng trận, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa và nêu lên bài học lịch sử:***  - Giọng văn: trang nghiêm, trịnh trọng. Tuyên bố, khẳng định với toàn dân về nền độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước đã được lập lại.  - Bài học lịch sử:  + Sự thay đổi thực chất là sự phục hưng dân tộc là nguyên nhân, là điều kiện để thiết lập sự vững bền: “Xã tắc...sạch làu”.  + Sự kết hợp giữa sức mạnh truyền thống và sức mạnh thời đại làm nên chiến thắng: *“Âu ... vậy”.*  *=>* Ý nghĩa lâu dài với công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. |

**Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết**

**a) Mục đích:** Tổng kết được giá trị của văn bản.

**b) Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

**c) Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: *HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | ***III. TỔNG KẾT***  ***1. Nội dung***  - Là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ 2 của dân tộc ta ở thế kỉ XV:  + Nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, chân lí độc lập dân tộc.  + Tố cáo tội ác của kẻ thù.  + Tái hiện quá trình kháng chiến hào hùng.  + Tuyên bố độc lập, rút ra bài học lịch sử.  ***2. Nghệ thuật:***  - Kết hợp hài hòa 2 yếu tố: chính luận sắc bén và văn chương trữ tình.  - Mang đậm cảm hứng anh hùng ca.  => Là áng “thiên cổ hùng văn”. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố lại kiến thức đã học.

***b. Nội dung:*** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

***c. Sản phẩm học tập:*** Kết quả của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: Chọn một đoạn tiêu biểu trong bài Đại cáo, phân tích để thấy được tác dụng của nghệ thuật lập luận, lựa chọn hình ảnh, ngôn từ, nghệ thuật đối và nhịp điệu của câu văn biền ngẫu.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm bài.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | - Bài viết của HS. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  Liên hệ với những hiểu biết ở phần Kiến thức ngữ văn và văn bản Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp, hãy xác định:  a) Ý nghĩa của tác phẩm Đại cáo bình Ngô đối với thời đại Nguyễn Trãi.  b) Vì sao Đại cáo bình Ngô được coi là “Bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai” của dân tộc.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2:** **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm bài.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | - Bài làm của HS.  - Gợi ý:  a) Ý nghĩa của tác phẩm Đại cáo bình Ngô đối với thời đại Nguyễn Trãi:  - Sau khi quân ta đại thắng, tiêu diệt và làm tan rã 15 vạn viện binh của giặc, Vương Thông buộc phải giảng hòa, rút quân về nước, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết Đại cáo Bình Ngô.  - Đại cáo bình Ngô có ý nghĩa trọng đại như một bản tuyên ngôn độc lập, được công bố vào thánh Chạp, năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428).  b) Vì sao Đại cáo bình Ngô được coi là “Bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai” của dân tộc:  “Đại cáo bình Ngô” là được viết sau chiến thắng quân Minh. Nội dung của một bản tuyên ngôn độc lập phải bao gồm ba phần: khẳng định dân tộc, tuyên bố thắng lợi, tuyên bố hòa bình.  Ta có thể nói “Đại cáo bình Ngô” là một bản nâng cấp của “Nam quốc sơn hà” làm hoàn thiện hơn bản tuyên ngôn độc lập ngắn gọn đầu tiên của nước ta. Nguyễn Trãi đã liệt kệ rõ các triều đại Việt Nam trước đó, làm rõ thêm cho chữ “đế” của Lý Thường Kiệt. “Định phận tại thiên thư”, sách trời thì quá xa vời với con người, dù biết trời cao đại diện cho sự đúng đắn và chính trực, tuy nhiên không ai có thể thấy, nhưng bài cáo lại lần nữa làm rõ khi nói “chứng cớ còn ghi”, tức ai nếu tìm hiểu đều sẽ thấy, không phải thứ bí ẩn bị che giấu gì. Tất cả như tăng thêm tính thuyết phục cho người đọc khi đề cập tới tính sở hữu lãnh thổ Việt Nam.  “Đại cáo bình Ngô” đã hóa thực lời hâm dọa đó khi kể tên các chiến công lẫy lừng của nhân dân ta trong lịch sử chống và giết giặc. Nhấn mạnh tính chủ quyền cũng như cho mọi người cùng rõ đó không phải là một lời nói suông. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**:

- Ôn tập kiến thức bài vừa học

- Soạn bài *“GƯƠNG BÁU KHUYÊN RĂN” (BÀI 43)*